

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào hồ sơ vụ án Hôn nhân và Gia đình thụ lý số 96/2019/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 5 năm 2019, giữa:

Nguyên đơn: **Anh Cao B**, sinh năm 1989

Địa chỉ: Ấp T, xã P, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

Bị đơn: **Chị Trịnh R** sinh năm 1996

Địa chỉ: Ấp L, xã T, huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 57, 58, 81, 82, 83, 110, 116 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 24, khoản 7 Điều 26 và điểm a khoản 5 và điểm b khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 03 tháng 5 năm 2019.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi nhận trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 03 tháng 5 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Cao B và chị Trịnh R.
2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:
 - 2.1 Về hôn nhân: Anh Cao B và chị Trịnh R thuận tình ly hôn.
 - 2.2 Về con chung: Anh Cao B và chị Trịnh R thống nhất giao cháu Cao H sinh ngày 27 tháng 4 năm 2014 cho chị Trịnh R tiếp tục trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. (Cháu Cao H hiện đang sống chung với chị Trịnh R).

Anh Cao B không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở.

2.3 Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Cao B và chị Trịnh R thống nhất anh Cao B có nghĩa vụ cấp dưỡng cho cháu Cao H sinh ngày 27 tháng 4 năm 2014, mỗi tháng là 1.000.000 đồng (một triệu đồng).

Thời gian cấp dưỡng kể từ ngày 03 tháng 5 năm 2019 cho đến khi cháu Cao H sinh ngày 27 tháng 4 năm 2014 đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2.4 Về tài sản chung, nợ chung: Anh Cao B và chị Trịnh R thống nhất không có nên không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra giải quyết.

2.5 Án phí dân sự sơ thẩm về Hôn nhân và Gia đình bằng 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), nhưng được giảm 50% do hòa giải thành bằng 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng), anh Cao B tự nguyện nộp 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng). Án phí dân sự sơ thẩm về cấp dưỡng bằng 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), nhưng được giảm 50% do hòa giải thành bằng 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng), anh Cao B phải nộp số tiền 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng) tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu. Anh Cao B đã dự nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng theo Biên lai thu số 0013528 ngày 03/5/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Lợi nên được chuyển thu án phí.

3. Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND huyện Vĩnh Lợi;
- Chi cục THADS huyện Vĩnh Lợi;
- UBND xã T, huyện L, tỉnh Đồng Tháp;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Ngô Trang Thảo